TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Bản án số: 245/2019/HNGĐ-ST Ngày 20 - 3 - 2019 V/v tranh chấp ly hôn.	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thuý Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Phước Trinh;
2. Bà Trần Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 20 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1359/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Tú N, sinh năm: 1983 (Có mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm 7, phường L, thị xã G, Thành phố B.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm: 1976 (Vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 155 đường Nguyễn Kim C, tổ 8, ấp 1A, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/10/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Đoàn Tú N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện xây dựng gia đình vào năm 2014, đến năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng bà chung sống với nhau tại nhà riêng của ông T, cuộc sống vợ chồng chỉ hạnh phúc được khoảng 02, 03 tháng đầu. Nguyên nhân do trước khi kết hôn, bà và ông T không có thời gian tìm hiểu nhiều, một tuần chỉ gặp nhau một lần nên không hiểu hết tính tình của nhau, khi về chung sống mới phát sinh nhiều mâu thuẫn. Ông T là người gia trưởng, áp đặt, không tôn trọng vợ con, không có trách nhiệm với gia đình, để mặc bà tự xoay sở, mỗi lần cãi nhau là ông T đuổi mẹ con bà đi, rất nhiều lần như vậy nên bà cảm thấy buồn, cha mẹ chồng cũng khuyên can nhưng ông T không nghe. Từ tháng 3/2016, bà dắt con về nhà cha mẹ ruột ở thị xã G, Thành phố B sống từ đó cho đến nay, hai bên cũng ly thân từ đó, bà thấy tình cảm bà dành cho ông T không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn.

Bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Tú N, sinh ngày 19/12/2015. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Từ lúc bà ẵm con về quê cho đến nay, lâu lâu ông T mới về quê thăm con, hơn 01 năm nay ông T không thăm con nữa và cũng không phụ tiền bạc để lo cho con.

Về tài sản chung bà và ông T không có và cũng không có nợ chung.

* Bị đơn là ông Nguyễn Minh T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại đơn xin ly hôn nộp ngày 30/10/2018, bà Đoàn Tú N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Củ Chi giải quyết cho bà ly hôn với ông Nguyễn Minh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung chưa trưởng thành, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung không có, nợ chung không có. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, ông Nguyễn Minh T hiện đang cư trú tại số 155 đường Nguyễn Kim C, tổ 8, ấp 1A, xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không đến Tòa. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành phiên Tòa vắng mặt ông T theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đoàn Tú N và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2015, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét trình bày của bà N thì sau khi xây dựng gia đình vào năm 2014, thời gian đầu bà và ông T sống tại nhà riêng của ông T, hạnh phúc chỉ được vài tháng. Mâu thuẫn xảy ra do ông T sống không có trách nhiệm, thường áp đặt vợ con, đuổi bà ra khỏi nhà mỗi lần vợ chồng cãi vã, vì buồn nên tháng 3/2016 bà ẵm con về quê sống cho đến nay, bà cảm thấy hai bên xa nhau đã lâu, tình cảm bà dành cho ông T không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu được ly hôn.

Xét ông Nguyễn Minh T không đến Tòa án theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, điều đó cho thấy ông T không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng với bà N, do đó Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do bà N cung cấp, bà N và ông T không còn chung sống cùng chung một địa chỉ, do đó Hội đồng xét xử xét không cần thiết phải xác minh về tình trạng hôn nhân của ông bà tại địa phương theo quy định tại Điều 208 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Xét tình trạng quan hệ vợ chồng giữa bà N và ông T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà N được ly hôn với ông T là có cơ sở.

[4] Về con chung: Bà N và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Tú N, sinh ngày 19/12/2015, Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, ông T không đến Tòa để đưa ra ý kiến về con chung, xét để ổn định tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, xét đây là sự tự nguyện của bà N, không trái pháp luật nên ghi nhận ý kiến này. Nếu sau này bà N có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sẽ được Tòa án giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Bà N trình bày không có.

[6] Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N trình bày không có.

[7]Về nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xét buộc bà Đoàn Tú N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 146, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9, Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, Điều 7, Điều 26, Điều 30, Điều 31 và Điều 32 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Đoàn Tú N và ông Nguyễn Minh T.

Kể từ ngày 20/3/2019, Giấy chứng nhận kết hôn số 60 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/10/2015 cho bà Đoàn Tú N và ông Nguyễn Minh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Bà Đoàn Tú N và ông Nguyễn Minh T có 01 con chung tên Nguyễn Đoàn Tú N, sinh ngày 19/12/2015.

Giao cháu N cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N về việc tạm thời không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định tại Khoản 5 Điều 84, Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc trợ cấp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về chia tài sản chung: Bà N trình bày không có.

4. Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà N trình bày không có.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Đoàn Tú N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0033640 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

6. Bà Đoàn Tú N có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân T, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA